

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2024
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp YB, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 27/01/2023, đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 07/12/2023, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh Nguyễn Văn Đ có 02 người con chung tên:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/01/1995 và Nguyễn Thị K, sinh ngày 09/9/2000 hiện nay đã trưởng thành; về tài sản chung, chị và anh Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung; về nợ, chị và anh Nguyễn Văn Đ không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị. Quá trình chung sống, anh Nguyễn Văn Đ đi nhậu với bạn bè, không lo làm ăn, anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau về vấn đề làm ăn kinh tế trong gia đình, đến năm 2016 chị và anh Nguyễn Văn Đ sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Nguyễn Văn Đ không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về quan hệ con chung, hiện nay các con của anh chị đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ, không có, chị không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt chị, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 22/12/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân, anh thống nhất ly hôn với chị Lê Thị L; anh xác định, anh và chị Lê Thị L có 02 người con chung tên: Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị K hiện nay đã thành niên, không có tài sản chung và nợ người khác. Anh không yêu cầu giải quyết gì cho anh, nay anh làm đơn này yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt anh và cam kết không yêu cầu, khiếu nại gì.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 27/01/2023 của chị Lê Thị L (Bản chính); Giấy khai sinh tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/01/1995 và Nguyễn Thị K, sinh ngày 09/9/2000 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 27/01/2023 của chị Lê Thị L (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt .

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục tố tụng theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự, gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Lê Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, nhưng anh chị chung sống với nhau không có đăng

ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ tự xác định, con chung của anh chị đã thành niên, anh chị không có tài sản chung và nợ, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị L yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp YB, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Đ biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh nhưng anh Nguyễn Văn Đ không có ý kiến yêu cầu gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh Nguyễn Văn Đ gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt anh. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1994, đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi anh chị cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ đều đồng ý ly hôn, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ là vợ

chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/01/1995 và Nguyễn Thị K, sinh ngày 09/9/2000 hiện nay đã trưởng thành. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/01/1995 và Nguyễn Thị K, sinh ngày 09/9/2000 hiện nay đã trưởng thành. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008868 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo